

Chương 1

1. Phân tích những điều kiện cần thiết dẫn tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1930. 1
2. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên được Hội nghị thành lập Đảng (2-1930) thông qua. 4
3. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc 1930-1945. 6
4. Đặc điểm, tính chất, kinh nghiệm và ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. 6
5. Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ 1945-1954 12
6. Ý nghĩa lịch sử và những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ 1945-1954 14
7. Đặc điểm, ý nghĩa thắng lợi và những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975. 16
8. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc 1954-1975. 17

1. Phân tích những điều kiện cần thiết dẫn tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2-1930.

Điều kiện khách quan:

- Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa), đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ, yếu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ-Latinh (Trong đó có VN) biến các quốc gia này thành thuộc địa của các nước đế quốc. Nền mâu thuẫn giữa các dt thuộc địa và CNĐQ ngày càng gay gắt
- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đối với các nước tư bản, mà còn có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa
- Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản, do V.I.Lênin đứng đầu, được thành lập, trở thành bộ tham mưu chiến đấu, tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới. Quốc tế Cộng sản không những vạch đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản mà cả đối với các vấn đề dân tộc và thuộc địa, giúp đỡ, chỉ đạo phong trào giải phóng dân tộc.
- Cách mạng Tháng Mười và những hoạt động cách mạng của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng mạnh mẽ và thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam và Đông Dương.

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp nước ta trong thời đại mới.
- Trước sự đàn áp, bóc lột hết sức dã man và tàn bạo của thực dân Pháp ở Việt Nam lúc này đã làm gay gắt thêm các mâu thuẫn trong lòng xã hội Việt Nam. Tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đặc biệt là mâu thuẫn dân tộc và giai cấp đã dẫn đến nhu cầu đấu tranh để tự giải phóng. Độc lập dân tộc và tự do dân chủ là nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta: là nhu cầu bức thiết của dân tộc. Có một số đảng đứng lên lãnh đạo quần chúng nổi dậy nhưng vẫn chỉ mang tính tự phát. Đặc biệt các đảng này tuy cùng một chí hướng là đem lại lợi ích cho người dân nhưng lại đi theo những con đường khác nhau có thể dẫn đến thực dân Pháp lợi dụng mà gây chia rẽ, dễ triệt phá. Trước tình hình đó, việc thống nhất các đảng phải thành một chính đảng duy nhất là một yêu cầu cấp bách.
- Sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ này ngày càng phát triển.
- Phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước là giá trị tinh thần trường tồn trong lịch sử dân tộc Việt Nam và là nhân tố chủ đạo quyết định sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc ta. Chỉ tính riêng trong hơn

Điều kiện chủ quan

80 năm bị thực dân Pháp đô hộ, phong trào yêu nước của nhân dân ta dâng lên mạnh mẽ như những lớp sóng cồn nối tiếp nhau. Phong trào yêu nước liên tục và bền bỉ trong hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã kết thành chủ nghĩa yêu nước và nó đã trở thành giá trị văn hóa tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam.

- Phong trào yêu nước của tri thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Phong trào yêu nước Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XX ghi dấu ấn đậm nét bởi vai trò của trí thức, tuy số lượng không nhiều nhưng lại là những "ngòi nổ" cho các phong trào yêu nước bùng lên chống thực dân Pháp xâm lược và bọn tay sai, cũng như thúc đẩy sự canh tân và chấn hưng đất nước. Trong lịch sử Việt Nam một trong những nét nổi bật nhất là sự bùng phát của các tổ chức yêu nước mà thành viên và những người lãnh đạo tuyệt đại đa số là trí thức. Với một bầu nhiệt huyết, yêu nước, thương nòi, căm giận bọn cướp nước và bọn bán nước, họ rất nhạy cảm với thời cuộc, do vậy, họ chủ động và có cơ hội đón nhận những "luồng gió mới" về tư tưởng của tất cả các trào lưu trên thế giới dội vào Việt Nam.

- Sự ra đời và ngày càng lớn mạnh của giai cấp công nhân

- Từ sự phân tích vị trí kinh tế- xã hội của các giai cấp trong xã hội Việt Nam cho thấy chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp có sứ mệnh lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi cuối cùng. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên vai giai cấp công nhân Việt Nam.

- Phong trào công nhân ra đời và phát triển là một quá trình lịch sử tự nhiên. Muốn trở thành phong trào tự giác nó phải được vũ trang bằng lý luận của chủ nghĩa Mác Lê-nin: vũ khí lý luận và tư tưởng của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân muốn lãnh đạo cách mạng thì cần phải có Đảng Công Sản.

- Sự thành lập của Đảng Cộng Sản là quy luật của sự vận động của phong trào công nhân từ tự phát sang tự giác, nó được trang bị bằng lý luận của chủ nghĩa Mác Lê-nin. Nguyễn Ái Quốc đầu tiên tìm thấy chủ nghĩa Mác Lê-nin và con đường giải phóng dân tộc theo đường lối cách mạng vô sản. Nguyễn Ái Quốc thực hiện công cuộc truyền bá chủ nghĩa Mác Lê-nin vào Việt Nam, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ nghĩa Mác Lê-nin được truyền bá vào Việt Nam đã thúc đẩy phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển.

- Các phong trào đấu tranh từ 1925-1929 chứng tỏ giai cấp công nhân đã trưởng thành và đang trở thành lực lượng độc lập. Tình hình khách quan ấy đòi hỏi phải có một Đảng Cộng Sản lãnh đạo. Ba tổ chức cộng sản ra đời (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn), thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng.

- Sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản là một xu thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. Thể hiện sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước. Tuy nhiên ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời năm 1929 hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, công kích lẫn nhau, làm phong trào cách mạng trong nước có nguy cơ chia rẽ lớn. Trước tình hình đó, 3/2/1930 Nguyễn Ái Quốc đã quyết định hợp nhất các đảng thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng Sản Việt Nam.
- Phong trào công nhân kết hợp được với phong trào yêu nước bởi vì hai phong trào đó đều có mục tiêu chung. Khi giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và có phong trào đấu tranh, lúc đầu là đấu tranh kinh tế, và sau này là đấu tranh chính trị, thì phong trào công nhân kết hợp được ngay từ đầu và kết hợp liên tục với phong trào yêu nước. Cơ sở của sự kết hợp giữa hai phong trào này là do xã hội nước ta tồn tại mâu thuẫn cơ bản giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với bọn đế quốc và tay sai. Vì vậy giữa hai phong trào đều có một mục tiêu chung, yêu cầu chung giải phóng dân tộc làm cho Việt Nam được hoàn toàn độc lập, xây dựng đất nước hùng cường. Hơn nữa chính bản thân phong trào công nhân, xét về nghĩa nào đó lại mang tính chất của phong trào yêu nước, vì phong trào đấu tranh của công nhân không những chống lại ách áp bức giai cấp mà còn chống lại ách áp bức dân tộc.
- Phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân. Nói đến phong trào yêu nước Việt Nam phải kể đến phong trào nông dân. Đầu thế kỷ XX, nông dân Việt Nam chiếm tới khoảng hơn 90% dân số. Giai cấp nông dân là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân. Ở Việt Nam, do điều kiện lịch sử chi phối, không có công nhân nhiều mà họ xuất thân trực tiếp từ người nông dân nghèo. Do đó giữa phong trào công nhân và phong trào yêu nước có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân hợp thành quân chủ lực của cách mạng.

2. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên được Hội nghị thành lập Đảng (2-1930) thông qua.

Nội dung cơ bản:

- Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: Từ việc phân tích thực trạng và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam-một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam trong đó có công nhân, nông dân với đế quốc ngày càng gay gắt cần phải giải quyết, nên xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam <chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản>.
- Như vậy, mục tiêu chiến lược được nêu ra trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã làm rõ nội dung của cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản.
- Xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam: <Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến>, <Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập>. Cương lĩnh đã xác định: Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.

- về phương diện xã hội, Cương lĩnh xác định rõ: < a) Dân chúng được tự do tổ chức, b) Nam nữ bình quyền, v.v... c) Phổ thông giáo dục theo công nông hoá=.
- về phương diện kinh tế, Cương lĩnh xác định: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; thu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm tám giờ... Những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam về phương diện xã hội và phương diện kinh tế nêu trên vừa phản ánh đúng tình hình kinh tế, xã hội, cần được giải quyết ở Việt Nam, vừa thể hiện tính cách mạng, toàn diện, triệt để là xóa bỏ tận gốc ách thống trị, bóc lột hà khắc của ngoại bang, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, đặc biệt là giải phóng cho hai giai cấp công nhân và nông dân.
- Xác định lực lượng cách mạng: phải đoàn kết công nhân, nông dân- đây là lực lượng cơ bản, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo; đồng thời chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Do vậy, Đảng <phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình", <phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày,... hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ ứng trung lập=. Đây là cơ sở của tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chức yêu nước, cách mạng, trên cơ sở ánh sáng đúng đắn của các giai cấp phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam.
- Xác định phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thỏa hiệp <không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp=. Có sách lược đấu tranh cách mạng thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản, nhưng kiên quyết: <bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ=.
- Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế, Cương lĩnh chỉ rõ trong khi thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Cương lĩnh nêu rõ cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới: <trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới=. Như vậy, ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao chủ nghĩa quốc tế và mang bản chất quốc tế của giai cấp công nhân. -
- Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng: <Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng=. <Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng= Ý nghĩa lịch sử:
- Cương lĩnh chính trị đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định lần đầu tiên cách mạng Việt Nam có một bản cương lĩnh chính trị phản ánh quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đường lối đó là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách sáng tạo, sáng tạo và có phát triển trong điều kiện lịch sử mới.
- Khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam-con đường cách mạng vô sản. Con đường duy nhất ứng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản phù hợp với nội dung và xu thế của thời đại mới được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại: <Đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thật sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. cần nhấn mạnh rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng ta=2.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, trở thành nhân tố hàng đầu quyết định sự cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

3. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc 1930-1945.

- Sau khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền với 3 cao trào cách mạng có ý nghĩa to lớn và ứn thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đó là:
 - Cao trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh: Làm rung chuyển chế độ thống trị của đế quốc Pháp và tay sai. Dưới sự lãnh đạo của Đảng quần chúng cách mạng ở vùng dậy trừng trị bọn cường hào, phản động, tay sai thực dân Pháp, thành lập chính quyền cách mạng ở một số nơi theo hình thức Xô Viết. Cao trào cách mạng 1930 - 1931 đã khẳng định ường lối cách mạng Việt Nam do Đảng đề ra là ứn ắn và để lại những bài học quý báu về xây dựng liên minh công-nông, về xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, về phát ộng phong trào quần chúng đấu tranh giành và bảo vệ chính quyền.
 - Cao trào cách mạng đòi dân sinh, dân chủ (1936 - 1939): Bằng sức mạnh oàn kết của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ; quần chúng ược giác ngộ về chính trị và trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng; Đảng đã tích lũy ược nhiều bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp...
 - Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945) dưới sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết của Đảng, ứng đầu là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng với sự oàn kết hăng hái, chiến đấu ngoan cường và hy sinh to lớn của biết bao ảng viên cộng sản, chiến sĩ và ông bà yêu nước đã kết thúc thắng lợi bằng cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.
 - Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã phá tan sự thống trị của thực dân gần một trăm năm và lật ỏ chế độ phong kiến đè nặng lên nhân dân ta mấy mươi thế kỷ, mở ra bước ngoặt vĩ đại của cách mạng, đưa dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới; kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Khái quát ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: <Chẳng những giai cấp lao ộng và Nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao ộng và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc=>.

4. Đặc iêm, tính chất, kinh nghiệm và ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Đặc điểm thứ nhất: Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ thành công triệt để.

- Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tương đối muộn (1930), chủ trương làm cách mạng có tính chất dân chủ tư sản lấy hai nhiệm vụ phản đế và phản phong làm cơ bản với giai cấp công nhân và giai cấp nông dân làm động lực chính của cách mạng. Giai cấp công nhân lãnh đạo toàn dân nổi lên một ngày nào đó giành độc lập dân tộc, lập chính phủ công nông. Nhưng khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Đảng Cộng sản thấy tình thế mới cho phép và đòi hỏi một chuyển hướng chiến lược nhằm tạo ra đầy đủ khả năng đoàn kết tất cả dân tộc không chừa một giai cấp nào, dù là địa chủ hay tư sản, đoàn kết xung quanh công nông liên minh đã bắt đầu được xây dựng có hiệu quả ngay từ giai đoạn lịch sử 1930 - 1931 và được thử thách suốt mười mấy năm.

- Trong đường lối chuyển hướng chiến lược đó, Đảng rút bớt khẩu hiệu cách mạng phản phong; cách mạng Việt Nam từ nay là cách mạng giải phóng dân tộc, chủ yếu nhằm đạt mục đích độc lập, tự do, lập chính quyền dân chủ cộng hoà trên cơ sở đại đoàn kết toàn dân trong đấu tranh chính trị và vũ trang chống Pháp, chống Nhật.

Hồ Chí Minh kêu gọi:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết.

Thành công, thành công, đại thành công.”

- Nhìn lại Cách mạng Tháng Tám 1945, chúng ta thấy trong hàng ngũ cách mạng chẳng những có công nhân, nông dân mà còn có đại địa chủ, nhiều quan lớn của triều đình, đương chức hoặc đã về hưu; đáng chú ý là sự có mặt của nhiều vị tiêu biểu cho các tôn giáo. Các dân tộc miền núi có mặt ngay từ những ngày khởi nghĩa tại Hà Nội, Sài Gòn. Sức mạnh của Cách mạng Tháng Tám là sức mạnh của toàn dân Việt Nam có tổ chức, có lãnh đạo. Chính vì vậy mà Cách mạng Tháng Tám là cuộc cách mạng thành công triệt để nhất trong các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

- Trong thực tế lịch sử, Cách mạng Tháng Tám hoàn thành cả hai nhiệm vụ lớn của cách mạng dân chủ tư sản, cách mạng phản đế và cách mạng phản phong.

Đặc iêm:

Đặc điểm thứ hai: Từ một quá trình chuẩn bị lâu dài, liên tục, gian nan tột bậc, Cách mạng Tháng Tám nổ ra và thành công nhanh, gọn, phi thường trên toàn quốc Việt Nam.

- Cách mạng Tháng Tám thì bắt đầu từ cuộc Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào thuộc Khu giải phóng Việt Bắc cho đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt cho Chính phủ lâm thời nước Việt

Nam Dân Chủ Cộng Hoà đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại Thủ đô Hà Nội. Thời gian lịch sử Cách mạng Tháng Tám là ba, bốn tuần - thời gian lịch sử Cách mạng Tháng Tám chủ yếu là thời gian tổng khởi nghĩa.

- Ngày 13-8, Tổng bộ Việt Minh, Thường vụ Trung ương Đảng được tin Nhật đầu hàng. Mười một giờ đêm hôm ấy, từ Tân Trào phát ra Quân lệnh số 1 của Ủy ban khởi nghĩa: "... đồng bào hãy đem hết tâm lực ủng hộ đạo quân giải phóng, sung vào bộ đội, xông ra mặt trận đánh đuổi quân thù".

- Rạng ngày 14, Tổng bộ Việt Minh ra hiệu triệu:

"Trước cơ hội có một không hai ấy, toàn thể dân tộc ta phải đem hết lực lượng, dùng hết can đảm, bao quanh đạo Quân giải phóng, tung xương máu ra đánh đuổi giặc Nhật, đòi lấy tự do, hạnh phúc cho nhân dân".

- Làm một cuộc tổng khởi nghĩa trên cả một nước gồm hàng chục vạn, hàng trăm vạn nhân dân, khác xa với phát lệnh tổng tiến công cho hàng chục, hàng trăm đơn vị quân đội sẵn sàng chiến đấu. Ở quân đội, tổ chức đã xong trước khi chiến đấu. Ở nhân dân, mọi việc đều còn phải hoàn thành khi nhận được lệnh khởi nghĩa. Bắc Nam xa cách hàng ngàn km, điện đài thiếu hoặc không có, tất cả cầu phà trên đường thiên lý đều bị máy bay Mỹ phá. Ngay cả liên lạc giữa Tân Trào và Hà Nội cũng cực kỳ khó khăn, vì lúc ấy đê Vĩnh Yên đã vỡ, giữa sông Hồng và Tam Đảo là một vùng lũ lụt mênh mông.

- Tình thế lịch sử lúc này đặt ra trước mọi người một cuộc "chạy đua" nước rút giữa cách mạng Việt Nam quyết tâm giành độc lập, tự do với quân Đồng minh nhập Việt, quân Tưởng ở miền Bắc, quân Anh ở miền Nam.

- Quân Tưởng thì chưa bao giờ có chút cảm tình nào với Việt Nam, còn Anh thì cấu kết với Pháp. Quân Đồng minh thì hoặc ở sát biên giới ta, bước một bước đã tới như quân Tưởng, hoặc như quân Anh có thừa máy bay, tàu chiến để nhanh chóng vào Sài Gòn. Họ có thể có ít nhiều mâu thuẫn với nhau, nhưng thống nhất với nhau ở chỗ ngăn cản Việt Minh giành chính quyền.

- Đúng giữa tháng tám, pháo lệnh tổng khởi nghĩa đã nổ. Việt Nam Giải phóng quân xuất phát đánh quân Nhật ở hai cửa ngõ đông, tây của Tân Trào là Thái Nguyên và Tuyên Quang. Chiến cuộc đang tiếp diễn thì ngày 19, cuộc khởi nghĩa của nhân dân Hà Nội thành công gọn. Đó là

tiếng súng lệnh cho tất cả các đơn vị trên toàn chiến trường sẵn sàng tiếp ứng. Ngày 23, chỉ bốn ngày sau Hà Nội, Huế khởi nghĩa thắng lợi. Nhân dân Sài Gòn, tới phiên mình, hoàn thành khởi nghĩa đêm 24, rạng ngày 25.

- Chưa đầy một tuần lễ, tổng khởi nghĩa thành công trên một đất nước dài hơn 2 ngàn kilômét.

Tất cả đồng bào các tỉnh, huyện, xã nối tiếp nhau, từ Bắc chí Nam, từ miền biển đến miền núi đều nhất tề đứng dậy và đều thành công trọn vẹn.

- Khởi nghĩa chỉ có mấy ngày mà hoàn thành thì phải chuẩn bị 15 năm mới được như vậy. Trong 15 năm liên tục, Đảng Cộng sản và Mặt trận (Phản đế, Dân chủ, Việt Minh) đã hy sinh hàng vạn chiến sĩ trong tù, trên máy chém, trong hàng ngàn cuộc bãi công, biểu tình, bãi thị, khởi nghĩa địa phương; nhưng kết quả lớn nhất của phong trào là qua đấu tranh kinh tế, chính trị và tư tưởng, Đảng và Mặt trận đã gây được một điều rất cơ bản là làm cho quần chúng nhân dân không còn rời rạc, không còn thờ ơ với chính trị, mà trái lại hàng triệu người dân từ nay có ý thức về sức mạnh của mình, có ý thức về vai trò lịch sử của mình. Đó là việc rất lớn không phải đảng nào cũng biết đặt ra, không phải đảng nào cũng làm nổi. Đó là việc rất lâu dài, phải trải qua đấu tranh cách mạng gian khổ mới được. Nhờ vậy mà, khi thời cơ thuận lợi cho khởi nghĩa sắp đến, Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh đã tạo nên một lực lượng cách mạng cực kỳ hùng hậu mà trong thuật ngữ bấy giờ gọi là "đạo quân chính trị"

Đặc điểm thứ ba: Cách mạng Tháng Tám là sự phát huy đến cao độ tính sáng tạo, tính chủ động, tự lực, tự cường, truyền thống của đại quần chúng và của cán bộ địa phương trên khắp các vùng đất nước.

- Tính nhân dân, tính quần chúng của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là điều nổi bật đối với bất kỳ nhà nghiên cứu sử học nào. Đây không phải là một cuộc nổi dậy của riêng những đảng viên cộng sản. Đây không phải là một “Yên Bái”, một “Sài Gòn 1916”.

- Sài Gòn 1916, Yên Bái 1930 đều là những cuộc nổi dậy can đảm, anh hùng của riêng Thiên địa hội, của riêng Quốc dân Đảng, của riêng những đội tiên phong, không phải của quần chúng nhân dân.

- Tính sáng tạo, chủ động, tự lực, tự cường của nhân dân và cán bộ địa phương góp phần rất lớn, khó đánh giá hết, cho sự thành công của khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám. Trong hoàn cảnh không có liên lạc bằng vô tuyến điện mà khởi nghĩa Hà Nội, khởi nghĩa Huế, khởi nghĩa Sài Gòn chỉ nổ ra cách nhau có năm, ba ngày. Thời gian năm, ba ngày không đủ để một đoàn thể tổ chức một cuộc mít-tinh, thế mà từ ngàn dặm, một tiếng gọi khởi nghĩa phát ra được đồng bào toàn quốc rầm rập nghe theo và làm đúng.

- Trong 15 năm hoạt động cách mạng (1930 – 1945) Đảng Cộng sản bị đánh trúng tới hai lần, hai lần Tổng Bí thư Đảng bị sát hại. Việc lập lại cơ sở và hệ thống Đảng thật không dễ dàng, nhanh

- Tính chất

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là <một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính chất dân chủ mới. Nó là một bộ phận khăng khít của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam= . <Cách mạng Tháng Tám Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Mục ích của nó là làm cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách ế quốc, làm cho nước Việt Nam thành một nước ộc lập tự do= . Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc iễn hình, thể hiện: Tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc, tập trung giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc ó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với ế quốc xâm lược và tay sai; áp ứng ứng yêu cầu khách quan của lịch sử và ý chí, nguyện vọng ộc lập tự do của quần chúng nhân dân. Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc, oàn kết chặt chẽ trong mặt trận Việt Minh với những tổ chức quần chúng mang tên <cứu quốc=, ộng viên ến mức cao nhất mọi lực lượng dân tộc lên trận ịa cách mạng. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của lực lượng toàn dân tộc. Thành lập chính quyền nhà nước "của chung toàn dân tộc= theo chủ trương của Đảng, với hình thức cộng hoà dân chủ, chỉ trừ tay sai của ế quốc và những kẻ phản quốc, <còn ai là người dân sống trên giải ất Việt Nam ều thấy ược một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy= . Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là một bộ phận của phe dân chủ chống phát xít. <Nó chống lại phát xít Nhật và bọn tay sai phản ộng, và nó là một bộ phận của cuộc chiến ấu vĩ ại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới chống phát xít xâm lược= . Cách mạng ã giải quyết một số quyền lợi cho nông dân, lực lượng ộng ảo nhất trong dân tộc. Do Cách mạng Tháng Tám, một phần ruộng ất của ế quốc và Việt gian ã bị tịch thu, ịa tô được tuyên bố giảm 25%, một số nợ lưu cữu ược xoá bỏ. Cuộc cách mạng ã xây dựng chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân ầu tiên ở Việt Nam, xoá bỏ chế độ quân chủ phong kiến. Các tầng lớp nhân dân ược hưởng quyền tự do, dân chủ. Cách mạng Tháng Tám <chưa làm cách mạng ruộng ất, chưa thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng=, <chưa xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng ất, chưa xoá bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến ể cho công nghiệp có iều kiện phát triển mạnh... quan hệ giữa ịa chủ và nông dân nói chung vẫn như cũ. Chính vì thế Cách mạng Tháng Tám có tính chất dân chủ, nhưng tính chất ó chưa ược ãy ủ và sâu sắc= . Cách mạng Tháng Tám năm 1945 dưới sự

lãnh đạo của Đảng còn mang âm tính nhân văn, hoàn thành một bước hết sức cơ bản trong sự nghiệp giải phóng con người ở Việt Nam khỏi mọi sự áp bức về mặt dân tộc, sự bóc lột về mặt giai cấp và sự nô dịch về mặt tinh thần.

- Ý nghĩa

Khẳng định ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh viết: <Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc=1. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, giải quyết thành công vấn đề C0' bản của một cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ bước lên vị người chủ đất nước, có quyền quyết định vận mệnh của mình. Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đảng Cộng sản Đông Dương từ chỗ phải hoạt động bí mật trở thành một đảng cầm quyền. Từ đây, Đảng và nhân dân Việt Nam có chính quyền nhà nước cách mạng làm công cụ sắc bén phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám mở ra kỷ nguyên mới trong tiến trình lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do và hướng tới chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, đã lật phá một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám không chỉ là chiến công của dân tộc Việt Nam mà còn là chiến công chung của các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh vì độc lập tự do, vì thế nó có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh. Nó chứng tỏ rằng: một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa trước khi giai cấp công nhân ở <chính quốc= lên nắm chính quyền. Cách mạng Tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc.

- Kinh nghiệm

Cách mạng Tháng Tám thành công để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều kinh nghiệm quý báu. Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược, phải gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, rải ra thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc. Thứ hai, về xây dựng lực lượng'. Trên CO' sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Theo cách dùng từ của V.I.Lênin trong tác phẩm Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền tự quyết, thì đó chính là một <ó lửa khởi nghĩa dân tộc=[. Thứ ba, về phương pháp cách mạng: Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận ở những vùng nông thôn có điều kiện, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, giành chính quyền toàn quốc. Thứ tư, về xây dựng Đảng: Phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đúng đắn; xây dựng một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng và với đội ngũ cán bộ đảng viên kiên cường vượt mọi thử thách trong đấu tranh cách mạng. Chú trọng vai trò lãnh đạo ở cấp chiến lược của Trung ương Đảng, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của đảng bộ các địa phương. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa lịch sử dân tộc sang trang mới, đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại trong quá trình tiến hóa của dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ khi ra đời, dù phải trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần oán kết phấn đấu của toàn dân, luôn vượt dựng và củng cố, vững bước tiến trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Suốt 15 năm đấu tranh cách mạng 1930-1945, Đảng đã lãnh đạo giai cấp và dân tộc hoàn thành mục tiêu giành độc lập, thiết lập nhà nước dân chủ nhân dân.

5. Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ 1945-1954

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ được đề ra ngay từ đầu cuộc kháng chiến và không ngừng được bổ sung hoàn chỉnh trong quá trình tiến hành kháng chiến.

Đường lối kháng chiến được thể hiện rõ trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng: bắt đầu từ bản Chỉ thị về Kháng chiến kiến quốc (ngày 25-11-1945), tiếp đến là Công việc khẩn cấp bây giờ (tháng 10-1946), Chỉ thị Toàn dân kháng chiến ngày 12-12-1946 và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 19-12-1946), những quan điểm cơ bản của đường lối kháng chiến đã hình thành. Giữa năm 1947, Tổng Bí thư Trường Chinh đã viết một loạt bài báo nhằm hướng dẫn việc thực hiện đường lối của Đảng, những bài viết này được tập hợp thành cuốn sách Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi. Tác phẩm Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi đã thể hiện những quan điểm cơ bản về đường lối kháng chiến của Đảng, đó là đường lối: "toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính" của cuộc kháng chiến của nhân dân ta để thắng lợi. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) tổng kết 5 năm kháng chiến đã bổ sung và phát triển đường lối kháng chiến khi kháng chiến đã phá thế bị bao vây và đế quốc Mỹ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Về cơ bản, đường lối chung của cuộc kháng chiến tập trung một số nội dung:

Về mục đích kháng chiến: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ là sự kế thừa và phát triển thành quả Cách mạng Tháng Tám nhằm đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành thống nhất, độc lập hoàn toàn.

Tính chất của cuộc kháng chiến: Đảng khẳng định đây là cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa, nó có tính chất toàn dân, toàn diện, lâu dài. Do vậy, đó là cuộc chiến tranh tiến bộ vì tự do, độc lập, dân chủ và hòa bình có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới. Đảng chủ trương liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp, đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hòa bình.

Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến: Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trên cơ sở xác định rõ đối tượng của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến, đặc biệt, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (tháng 2-1951) đã chỉ rõ kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng Việt Nam là đế quốc Pháp, kẻ thù nguy hiểm là đế quốc Mỹ, kẻ thù phụ là các thế lực phong kiến. Lúc này là phong kiến phản động, từ đó đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam:

Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược làm cho Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập.

- Xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân.
- Gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Động lực của cách mạng Việt Nam là nhân dân, chủ yếu là công, nông.

Lãnh đạo cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân. Nông dân là bạn đồng minh "lớn mạnh và chắc chắn" của giai cấp công nhân.

Phương châm kháng chiến: Đảng chủ trương tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện "kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính".

Trong đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, điều cốt lõi nhất và cơ bản nhất là chiến lược toàn dân kháng chiến. Đảng tổ chức cả nước thành một mặt trận, tạo nên thế trận cả nước đánh giặc, phát huy sức mạnh của toàn dân và khối đoàn kết toàn dân tộc tham gia kháng chiến với những biện pháp đa dạng phong phú, phù hợp như tuyên truyền giáo dục, vận động chính trị sâu rộng từ đó xác định trách nhiệm ứng lên cứu nước nhà. Chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang với ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Từ chiến tranh du kích phát triển lên chiến tranh chính quy, kết hợp du kích chiến với vận động chiến.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp của cuộc kháng chiến, Đảng chủ trương kháng chiến toàn diện, tức là tiến hành tiến công ích trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao tạo thành sức mạnh tổng hợp.

+ Về chính trị, phải oàn kết toàn dân chống Pháp xâm lược, phải thống nhất toàn dân, làm cho mặt trận dân tộc thống nhất ngày càng vững chắc và rộng rãi. Phải củng cố chế độ cộng hoà dân chủ, xây dựng bộ máy kháng chiến vững mạnh, thống nhất quân, dân, chính trong toàn quốc, phát triển các oàn thể cứu quốc, củng cố bộ máy lãnh đạo kháng chiến toàn dân. Phải cô lập kẻ thù, kéo thêm nhiều bạn, làm cho nhân dân Pháp và nhân dân các thuộc địa Pháp tích cực ủng hộ ta, chống lại thực dân phản động Pháp. Coi trọng xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước và Mặt trận dân tộc thống nhất vững mạnh. Thống nhất Việt Minh, Liên Việt thành mặt trận Liên Việt (1951).

+ Về quân sự, triệt để dùng "du kích vận động chiến", tiến công ích ở khắp nơi, vừa đánh vừa xây dựng lực lượng; tản cư nhân dân ra xa vùng chiến sự. Xây dựng căn cứ địa kháng chiến và hậu phương vững mạnh. Chủ động làm thất bại các kế hoạch chiến tranh lớn của địch, phối hợp chặt chẽ các chiến trường với sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất.

+ Về kinh tế, xây dựng nền kinh tế kháng chiến theo nguyên tắc vừa kháng chiến vừa kiến quốc, toàn dân tăng gia sản xuất, tự túc tự cấp về mọi mặt; ra sức phá kinh tế địch không cho chúng thực hiện mưu đồ lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Kinh tế kháng chiến về hình thức là kinh tế chiến tranh, về nội dung là dân chủ mới, chú trọng phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp. Phát triển các thành phần kinh tế, từng bước thực hiện chính sách ruộng đất đối với nông dân (giảm tô và cải cách ruộng đất). Phát triển kinh tế quốc doanh, gây mầm cho chủ nghĩa xã hội.

+ Về văn hoá, thực hiện hai nhiệm vụ: xoá bỏ nền văn hoá nô dịch ngu dân, xâm lược của thực dân Pháp và xây dựng nền văn hoá dân chủ mới, dựa trên ba nguyên tắc: dân tộc hoá, khoa học hoá, đại chúng hoá. Phát triển giáo dục, đào tạo các bậc phổ thông trung học chuyên nghiệp và đại học. Tiến hành cải cách giáo dục. Phát triển văn học, nghệ thuật, coi văn nghệ là một mặt trận và văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận này.

+ Về đấu tranh ngoại giao, triệt để cô lập kẻ thù, tranh thủ thêm nhiều bạn, làm cho nhân dân thế giới kể cả nhân dân Pháp hiểu, tán thành và ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ về mọi mặt trận các nước xã hội chủ nghĩa nhất là Liên Xô, Trung Quốc. Năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ Việt Nam là bạn của các nước dân chủ trên thế giới, không gây thù oán với một ai.

Kháng chiến lâu dài: Xuất phát từ sự so sánh lực lượng, ban đầu ịch mạnh, ta yếu nên Đảng chủ trương đánh lâu dài. Vừa đánh vừa xây dựng phát triển lực lượng, đồng thời tích cực tiêu hao, tiêu diệt ịch để so sánh lực lượng sẽ dần có lợi cho ta và ta sẽ chuyển từ yếu thành mạnh, tiến tới đánh thắng thù. Song, Đảng khẳng định đánh lâu dài nhưng phải tạo thế chủ động phát triển thế và lực, tạo thời cơ giành thắng lợi quyết định.

Dựa vào sức mình là chính: là dựa vào sức lực của nhân dân, vào lòng ủng hộ của Đảng, vào các điều kiện thiên thời, địa lợi, nhân hoà của đất nước, đồng thời ra sức tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quốc tế để chiến thắng kẻ thù.

Đường lối kháng chiến của Đảng là sự kế thừa và nâng lên tầm cao mới tư tưởng quân sự truyền thống của dân tộc, là sự vận dụng lý luận chiến tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác Lênin và kinh nghiệm nước ngoài vào điều kiện Việt Nam. Đường lối đó là ngọn cờ dẫn dắt và là động lực chính trị tinh thần ưu quân và dân ta tiến lên chiến đấu và chiến thắng thực dân Pháp xâm lược. Với đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng, buộc kẻ thù chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ngày càng phát triển và giành thắng lợi về vang. Sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường, Nhà nước dân chủ nhân dân ngày càng vững mạnh, mặt trận Việt Minh, Liên Việt và các oàn thể cách mạng đã tập hợp rộng rãi khối đại oàn kết dân tộc. Kinh tế phát triển nhất là nông nghiệp, xây dựng, văn hoá, giáo dục có nhiều thành công. Ngoại giao từng bước phá thế bị bao vây, tranh thủ được sự ủng hộ về mọi mặt của đồng chí, bè bạn trên thế giới. Đặc biệt, trên mặt trận quân sự, quân đội và nhân dân Việt Nam đã lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh lớn của thực dân Pháp: đánh bại kế hoạch chiến tranh chớp nhoáng của địch với chiến thắng Việt Bắc thu đông (1947); làm thất bại kế hoạch Rơve với chiến thắng Biên giới (1950); đánh bại kế hoạch Đ.Tátxinhi với chiến thắng Hòa Bình (1951), Tây Bắc (1952) và làm phá sản kế hoạch Nava với chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ (ngày 7-5-1954), buộc

thực dân Pháp ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh, rút quân Pháp về nước. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân vì mục tiêu giành độc lập, thắng lợi hoàn toàn.

6. Ý nghĩa lịch sử và những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ 1945-1954

- Ý nghĩa lịch sử:

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã bảo vệ và phát triển tốt nhất các thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám; củng cố, phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đưa đến việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo tiền đề về chính trị-xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng, bảo vệ vững chắc miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam; có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc. Đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược có quy mô lớn của quân đội nhà nghề có tiềm lực quân sự và kinh tế hùng mạnh với các trang bị vũ khí, công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại; được điều hành bởi các nhà chính trị lão luyện, các tướng tá quân sự tài ba của Pháp-Mỹ. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa nhỏ bé đã đánh thắng một cường quốc thực dân, nó có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ ở các châu lục Á, Phi, Mỹ Latinh.

- Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

Thắng lợi của cuộc kháng chiến, ghi nhận sự phát triển và thành công trong lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh giải phóng dân tộc của Đảng Lao động Việt Nam và để lại nhiều bài học, kinh nghiệm quý báu.

Một là, đề ra đường lối ứng án, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu. Đường lối cơ bản là <kháng chiến và kiến quốc>; kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh là chính. Tinh thần, khí phách đã khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và mọi nguồn lực sáng tạo của các tầng lớp nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống thù trong giặc ngoài, thực hiện mục tiêu độc lập, dân chủ, tiến bộ trong suốt thời kỳ kháng chiến. Kết hợp sức mạnh nội lực của nhân dân Việt Nam với việc tranh thủ tối đa những điều kiện thuận lợi của quốc tế, phát huy có hiệu quả cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ đối với cuộc kháng chiến.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết ứng án mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến. Kháng chiến toàn diện trên các mặt trận, các lĩnh vực cả kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời ưu tiên xây dựng lực lượng quân sự đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định. Kết hợp nhuần nhuyễn hình thức đấu tranh trên các mặt trận, lấy quân sự làm nòng cốt, lấy xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm chỗ dựa, nền tảng để củng cố phát triển cơ sở hạ tầng chính trị-xã hội vững chắc, phát huy hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến của Đảng, Chính phủ trên thực tế. Kháng chiến gắn liền với kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến, xây dựng hậu phương-căn cứ địa vững chắc luôn là những nhiệm vụ cơ bản, cùng tồn tại và là nội dung chủ yếu, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến của Đảng Lao động Việt Nam.

Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn. Phát triển các loại hình chiến tranh ứng án, sáng tạo phù hợp với đặc điểm của cuộc kháng chiến và so sánh lực lượng ta

ịch, ó là loại hình chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Ket hợp chiến tranh chính qui với chiến tranh du kích ở cả mặt trận chính diện và vùng sau lưng ịch, vùng tạm bị chiếm. Phát huy sở trường của ta và cách ánh ịch sáng tạo, linh hoạt kết hợp với chỉ ạo chiến thuật tác chiến linh hoạt, cơ ộng, < ánh chắc, tiến chắc, chắc thắng=, thắng từng bước tiến lên giành thắng lợi quyết ịnh.

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ ội chủ lực, bộ ội ịa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, áp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị-quân sự của cuộc kháng chiến. Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy lực lượng vũ trang, nhất là Quân ội nhân dân, Công an nhân dân một cách ứng ản, thích hợp. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trước hết và quan trọng nhất là về tư tưởng - chính trị, trở thành công cụ chuyên chính sắc bén, tin cậy, làm mũi nhọn, nòng cốt cho kháng chiến, làm chỗ dựa cho toàn dân ánh giặc. Đảng và quân ội ã xây dựng thành công hình ảnh <Bộ ội Cụ Hồ= trong kháng chiến; xây dựng Công an nhân dân, mang bản chất giai cấp và tính nhân dân sâu sắc, công an là <bạn dân= theo tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh ốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh ạo toàn diện của Đảng ối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận. Xây dựng, bồi ắp hình ảnh, uy tín của Đảng và Chính phủ phải bằng hành ộng thực tế, bằng sự nêu gương và vai trò tiên phong của các tổ chức ảng và ội ngũ cán bộ, ảng viên trong quá trình tổ chức cuộc kháng chiến ở cả căn cứ ịa-hậu phương và vùng bị ịch tạm chiếm. Hết sức chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, ộng viên cao nhất, nhiều nhất mọi nguồn lực vật chất trong nhân dân, phát huy cao ộ tinh thần, nghị lực của nhân dân; củng cố lòng tin vững chắc của nhân dân ối với thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến. Trong công tác xây dựng, chỉnh ốn Đảng phải luôn nâng cao nhận thức chính trị-tư tưởng, chú ý khắc phục những khuynh hướng tư tưởng giáo iều <tả= khuynh, hữu khuynh, chủ quan, duy ý chí trong chỉ ạo, tổ chức cuộc kháng chiến, nhất là: tư tưởng chủ quan, nóng vội, coi thường sức mạnh của ịch; tập trung cao ộ vào nhiệm vụ quân sự, nhưng ít chú ý ứng mức ến nhiệm vụ xây dựng và kiên quốc; giải quyết hài hòa, thỏa áng mối quan hệ giữa huy ộng sức dân với bồi dưỡng, nâng cao sức dân; học hỏi, tiếp thu, vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài phải sáng tạo phù hợp với ặc iểm của Việt Nam. Trong công tác chỉnh ảng, chỉnh quân mắc vào chủ nghĩa phân, ố kỵ trong công tác cán bộ... Những khuyết iểm này ã gây ra tác hại ối với ội ngũ cán bộ, ảng viên, làm giảm sút lòng tin trong nhân dân ối với Đảng và Chính phủ.

7. Đặc iểm, ý nghĩa thắng lợi và những kinh nghiệm lãnh ạo của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975.

- Ý nghĩa

Thắng lợi vĩ ại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam ã kết thúc 21 năm chiến ấu chống ế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng, 117 năm chống ế quốc xâm lược, quét sạch quân xâm lược, giành lại nền ộc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho ất nước.

Đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, i lên chủ nghĩa xã hội; làm tăng thêm sức mạnh vật chất tinh thần, thể và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; nâng cao khí phách, niềm tự hào và ể những kinh nghiệm quý cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Làm thất bại âm mưu và thủ oạn của chủ nghĩa ế quốc tiến công vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; ánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy 111Ô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa ế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm phá sản các chiến lược chiến tranh thực dân kiểu mới của ế quốc Mỹ và tác ộng ến nội tình nước Mỹ; làm suy yếu trận ịa của chủ nghĩa ế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp ổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào ộc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976) đã khẳng định: <Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc = .

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước như Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: là sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam.

- **Kinh nghiệm**

Một là, gương cao ngạo cừ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

Hai là, tìm ra phương pháp đấu tranh ứng án, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.

Ba là, phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn.

Bốn là, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự ủng hộ, ủng hộ của quốc tế.

Hạn chế của Đảng trong chỉ thực tiễn: có thời điểm đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch chưa thật đầy đủ và còn có những biểu hiện nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

8. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc 1954-1975.

- Cách mạng xã hội ở miền Bắc:

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Hồ Chí Minh nêu rõ: <Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà= .

Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Báo cáo về xây dựng Đảng và báo cáo về Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc,...}.

về đường lối chung của cách mạng Việt Nam, trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là phải thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

về mục tiêu chiến lược chung, Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền

Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

về hòa bình thống nhất Tổ quốc, Đại hội chủ trương (hay phương châm) kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

về triển vọng của cách mạng, Đại hội nhận định cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

về xây dựng chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế được xem là hai mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất, hai mặt này có quan hệ mật thiết, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cùng với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm thay đổi cơ bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hóa của toàn xã hội phù hợp với chế độ xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

Từ những luận điểm đó, Đại hội đã đề ra đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là: Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù của nhân dân ta và oàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà

